TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 10/01/2022
V/v: " Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tân
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tiến
2. Bà Hoàng Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXX - ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Anh Đàm Lê T - Sinh năm 1975 " Vắng mặt"

Nơi ĐKHKTT: Số nhà 04/61 phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn G, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn : Chị Nguyễn Thị Mai H - Sinh năm 1975 " Có mặt"

Địa chỉ: Số nhà 04/61 phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Luật sư Lê Thị H - Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị P - Sinh năm 1944 " Vắng"

Địa chỉ: Số nhà 04/61 phố Đ, phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Đàm Lê T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Mai H kết hôn với nhau vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Thịnh (nay là phường Quảng Thịnh), thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do quan điểm, lối sống trái ngược nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, thiếu lòng tin và sự tôn trọng lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, tháng 10/2015 vợ chồng ly thân đến nay.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 45/2018/HNGĐ-ST Ngày 28 tháng 6 năm 2018 đã quyết định: Xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Mai H. Sau khi xét xử sơ thẩm các bên không kháng cáo phần hôn nhân, nên đã có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Đàm Thị Khánh L - SN 12/7/2003 và cháu Đàm Khánh L- SN 11/6/2009. Về con chung đã được giải quyết tại bản án dân sự phúc thẩm số 49/2018/HNGĐ - PT ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Về tài sản: Tại đơn khởi kiện, anh Tới không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên do chị H có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, và bản án phúc thẩm số 49/2018/HNGĐ - PT ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định hủy phần chia tài sản chung giữa anh T và chị H. Giao cho Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm về phần chia tài sản chung.

Tại đơn yêu cầu chia tài sản chung của anh Tới đề ngày 20/12/2018 cũng như tại bản tự khai ngày 20/3/2019 của anh Tới thể hiện nội dung:

Tài sản chung của anh và chị H gồm:

- Sổ tiết kiệm với số tiền 500.000.000đ gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông Thôn, chi nhánh Quảng Xương từ năm 2017;

- Quyền sử dụng đất tại xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa: thửa đất số 755-2, tờ bản đồ 02, diện tích 113 m^2, theo Giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 063299 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 20/02/2010, mang tên anh và chị Hương, nguồn gốc đất là do bố mẹ anh tặng cho năm 2010 (tạm tính giá trị là 600.000.000đ).

- Ngoài hai tài sản trên, anh và chị H kết hôn năm 2002, trong thời kỳ hôn nhân anh chị có tích góp được một số tiền tiết kiệm khoảng 600.000.000đ, vào tháng 06/2014 sau khi bàn bạc và được sự thống nhất của bà Lê Thị Phong(mẹ đẻ chị Hương), anh đã dùng số tiền khoảng 500.000.000đ để sửa lại 02 gian nhà bằng, cũ tại tầng 1 và xây mới của cổng, khu nhà bếp, khu nhà vệ sinh, cầu thang và toàn bộ tầng 2, tầng 3 trên đất mang tên Lê Thị P, số tiền còn lại chị Hương mua xe máy SH biển số 36B3-59199 mang tên chị H, trị giá xe là 70.000.000đ. Ngoài ra anh và chị H không có tài sản chung nào khác.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Mai H trình bày:*

Về hôn nhân và về con chung: Đã được Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử tại bản án số 49/2018/HNGĐ - PT ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, bản án đã có hiệu lực nên chị không có yêu cầu gì thêm.

Về tài sản, công nợ: Ngày 28/12/2017, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận được đơn yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Mai H. Ngày 15/01/2018, Tòa án thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của chị H, chị H đề nghị chia đôi số tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất tại xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa: thửa đất số 755-2, tờ bản đồ 02, diện tích 113 m^2 , theo Giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 063299 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 20/02/2010, mang tên vợ chồng chị. (tạm tính giá trị là 600.000.000đ).

- 01 xe ô tô Lacetic BKS 30Y-9475 hiện anh Tới đang sử dụng (tạm tính giá trị là 300.000.000đ).

- Vốn góp vào công ty TNHH Đàm Long (địa chỉ: Thôn Gia Lộc, xã Quảng Thịnh, TP. Thanh Hóa) với số tiền 1.000.000.000đ.

- Tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam- chi nhánh huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa số tiền 500.000.000đ, theo sổ tiết kiệm số AC 00004147793.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại lô 58 C4+C5 liền kề MB 530 khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa với diện tích 77m2 (tạm tính giá trị 1.000.000.000đ).

Tại phiên tòa, chị H xin rút toàn bộ yêu cầu phân chia tài sản chung đối với 01 xe ô tô Lacetic BKS 30Y- 9475 hiện anh Tới đang sử dụng; Vốn góp vào công ty TNHH Đàm Long (địa chỉ: Thôn Gia Lộc, xã Quảng Thịnh, thành phố. Thanh Hóa) với số tiền 1.000.000.000đ. Tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam- chi nhánh huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa số tiền 500.000.000đ, theo sổ tiết kiệm số AC 00004147793(số tiền này anh Tới và chị đã thỏa thuận phân chia). Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại lô 58 C4+C5 liền kề MB 530 khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa với diện tích 77m2 (tạm tính giá trị 1.000.000.000đ).

Chị H chỉ còn yêu cầu Tòa án chia tài sản là quyền sử dụng đất tại phường Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa: thửa đất số 755-2, tờ bản đồ 02, theo Giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 063299 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 20/02/2010, mang tên chị và anh T, chị H đề nghị được chia bằng đất, chị xin được chia lô đầu ve, chị có trách nhiệm chênh lại tiền cho anh T theo giá trị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị P trình bày: Bà không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc có công sức và góp tiền để bà sửa chữa nhà tại số nhà 04/61 phố Đông Lân 1, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, bà là người cho anh T và chị H ở nhờ nhà bà, trong thời gian bà sữa chữa nhà thì anh T và chị H đang nuôi con nhỏ, lương công nhân thấp, anh chị đi làm từ sớm đến tối mới về nên cũng không có công sức đóng góp gì cho bà, do đó bà không chấp nhận yêu cầu của anh T.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Thống nhất với yêu cầu xin rút một phần đơn khởi kiện của chị Hương đối với các tài sản là xe ô tô, quyền sử dụng đất tại MB 530; góp vốn vào Công ty TNHH Đàm Long và sổ tiết kiệm, đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản là quyền sử dụng đất tại phường Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa: Thửa đất số 755-2, tờ bản đồ 02, do chị Hương đang có nhu cầu về chỗ ở, nên đề nghị HĐXX chia bằng đất cho chị Hương lô đầu ve, chị Hương có trách nhiệm chênh lại tiền cho anh T theo giá trị.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự, kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định. Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử theo hướng:

Đối với yêu cầu chia tài sản chung là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SH BKS 36B3-59199 mua năm 2016 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Mai H trị giá 70.000.000đồng anh Tới yêu cầu chia. Đây là tài sản trong quá trình hôn nhân tuy nhiên chị H đã bán để phục vụ nhu cầu gia đình trước khi anh chị ly hôn. Chiếc xe không còn nên không chấp nhận đơn yêu cầu của anh T.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn xin rút các yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng đối với 01 xe oto Lacetic BKS 30Y-9475(Trị giá tạm tính là 300.000.000đồng). Vốn góp vào Công ty TNHH Đàm Long địa chỉ tại thôn Gia Lộc, xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa với số tiền 1.000.000.000đồng. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại lô 58C4+ C5 liền kề MB530 khu đô thị Nam thành phố với diện tích 70m^2(Trị giá tạm tính là 1.000.000.000đồng). Vì vậy không xem xét đối với số tài sản trên.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 227 BLTTDS; Điều 33,34,38,39,59 Luật HNGĐ chấp nhận một phần đơn khởi kiện của anh Đàm Lê Tới. Anh Tới và chị Hương mỗi người được hưởng ½ tổng diện tích 116,4m^2 tại thửa đất số 755-2, tờ bản đồ số 2, tại thôn Gia Lộc, phường Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, chị Hương được phần đầu ve và phải chịu hoàn trả số tiền chênh lệch. Không chấp nhận yêu cầu chia số tiền 500.000.000đồng góp để sửa chữa và xây nhà tại địa chỉ 04/61 phố Đông Lân 1, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SH BKS 36B3- 59199.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]***Về tố tụng****:* Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2017, anh Đàm Lê Tới yêu cầu giải quyết về hôn nhân, con chung, không yêu cầu về tài sản. Ngày 28/12/2017, Tòa án nhận được đơn yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Mai Hương và thụ lý là đúng với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Mai H xin rút một phần nội dung yêu cầu chia tài sản là: 01 xe ô tô Lacetic BKS 30Y- 9475 hiện anh Tới đang sử dụng; Vốn góp vào công ty TNHH Đàm Long (địa chỉ: Thôn Gia Lộc, xã Quảng Thịnh, TP. Thanh Hóa) với số tiền 1.000.000.000đ. Tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - chi nhánh huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa số tiền 500.000.000đ, theo sổ tiết kiệm số AC 00004147793(số tiền này anh Tới và chị đã thỏa thuận phân chia). Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại lô 58 C4+C5 liền kề MB 530 khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa với diện tích 77m2 (tạm tính giá trị 1.000.000.000đ).

Việc rút một phần yêu cầu chia tài sản của chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu này, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Đàm Lê T lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do (Mặc dù anh T là nguyên đơn, tuy nhiên về yêu cầu chia tài sản là do chị H yêu cầu, do đó chị H đề nghị Tòa án tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vắng mặt anh T là phù hợp quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có mời luật sư Lê Thị H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị, ngày 08/11/2021 chị H có đơn xin rút yêu cầu Luật sư. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, chị H lại tiếp tục đề nghị HĐXX chấp nhận cho Luật sư Hoa được tham gia tố tụng tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị. HĐXX xét thấy yêu cầu của chị H về việc nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình phù hợp với khoản 13 Điều 70 của Bộ luật TTDS nên được chấp nhận.

[2] ***Về xác định quan hệ tranh chấp:*** Trong giai đoạn thụ lý và giải quyết vụ án theo bản án sơ thẩm số 45/2018/HNGĐ -ST Ngày 28 tháng 6 năm 2018 đã xác định quan hệ tranh chấp vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" là đúng, tuy nhiên do bản án sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy về phần chia tài sản, còn phần hôn nhân và phần con chung đã có hiệu lực pháp luật từ năm 2018. Do đó xác định quan hệ tranh chấp vụ án hôn nhân lần này là " Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn" là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] ***Về tài sản chung***: ***Chị Nguyễn Thị Mai H đề nghị Tòa án chia tài sản chung giữa chị và anh T:***

- Quyền sử dụng đất tại xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa: Thửa đất số 755-2, tờ bản đồ 02, diện tích 116,4 m^2 , theo Giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 063299 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 20/02/2010, mang tên chị và anh Tới

Anh Đàm Lê T công nhận tài sản chung giữa anh và chị H gồm:

- Sổ tiết kiệm với số tiền 500.000.000đ gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông Thôn, chi nhánh Quảng Xương từ năm 2017;

- Quyền sử dụng đất tại xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa: thửa đất số 755 -2, tờ bản đồ 02, diện tích 116,4 m^2 , theo Giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 063299 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 20/02/2010, mang tên anh và chị Hương, nguồn gốc đất là do bố mẹ anh tặng cho năm 2010.

- Ngoài hai tài sản trên, anh và chị Hương kết hôn năm 2002, trong thời kỳ hôn nhân anh chị có tích góp được một số tiền tiết kiệm khoảng 600.000.000đ, vào tháng 06/2014 sau khi bàn bạc và được sự thống nhất của bà Lê Thị Phong(mẹ đẻ chị Hương), anh đã dùng số tiền khoảng 500.000.000đ để sửa lại 02 gian nhà bằng, cũ tại tầng 1 và xây mới của cổng, khu nhà bếp, khu nhà vệ sinh, cầu thang và toàn bộ tầng 2, tầng 3 trên đất mang tên Lê Thị Phong, số tiền còn lại chị Hương mua xe máy SH biển số 36B3-59199 mang tên chị

Hương, trị giá xe là 70.000.000đ. Ngoài ra anh và chị H không có tài sản chung nào khác.

Như vậy. Đối với yêu cầu của chị H, và anh T trong quá trình giải quyết vụ án, các đương thống nhất tài sản chung gồm: Số tiền tiết kiệm 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông Thôn, chi nhánh Quảng Xương; Quyền sử dụng đất tại xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa: thửa đất số 755-2, tờ bản đồ 02, theo Giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 063299 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 20/02/2010, mang tên anh T và chị H.

- Đối với yêu cầu của anh Tới về việc : Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có tích góp được một số tiền tiết kiệm khoảng 600.000.000đ, vào tháng 06/2014 sau khi bàn bạc và được sự thống nhất của bà Lê Thị P(mẹ đẻ chị H), anh đã dùng số tiền khoảng 500.000.000đ để sửa lại 02 gian nhà bằng, cũ tại tầng 1 và xây mới của cổng, khu nhà bếp, khu nhà vệ sinh, cầu thang và toàn bộ tầng 2, tầng 3 trên đất mang tên Lê Thị P. Yêu cầu này của anh T không được bà P và chị H công nhận, mặt khác anh T cũng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh việc anh đã bỏ tiền ra để xây, sửa nhà cho bà P. Do đó Tòa án không có căn cứ để xác định việc anh T và chị H đã xây sửa nhà cho bà P.

Mặt khác tại đơn đề nghị ngày 05/12/2021, anh T cũng đồng ý chia đôi diện tích tại thửa số 755 - 2, tờ bản đồ số 02, diện tích 116,4m^2, nguồn gốc đất do bố mẹ anh tặng cho, ngoài ra anh T cũng không đề cập đến việc xác nhận và chia thêm tài sản chung nào khác.

- Số tiền tiết kiệm 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông Thôn, chi nhánh Quảng Xương. Số tiền này anh Tới và chị Hương đều công nhận đó là tài sản chung, tuy nhiên sau khi xét xử phúc thẩm, anh T và chị H đã tự chia số tài sản này.

- Đối với tài sản chung là : Quyền sử dụng đất tại thôn Gia Lộc, xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, thửa đất số 755-2, tờ bản đồ 02, theo Giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 063299 do UBND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 20/02/2010, mang tên anh Đàm Lê T và chị Nguyễn Thị Mai H, sau khi Nhà nước thu hồi 208,6 m^2, diện tích còn lại 116,4 m^2. Về nguồn gốc đất, đây là tài sản anh T và chị H nhận tặng cho từ bố mẹ anh T là ông Đàm Lê H và bà Lê Thị É. Anh T đồng ý chia đôi lô đất này và anh xin nhận lô đầu ve, anh có trách nhiệm chệnh lại tiền cho chị H, chị H cũng có nguyện vọng được nhận lô đầu ve và chênh lại tiền cho anh Tới.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 18/11/2021 của Hội đồng định giá đã áp dụng quyết định số 44/2019/QĐ - ND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa, để định giá về đất:

Diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 116,4m^2 đất ở x 4.500.000đ/m^2 x 1,2 = 628.560.000đ.

Tính theo giá thị trường tại thời điểm tháng 11/2021:

116,4m^2 đất ở x 12.000.000đ/m^2 x 1,2 = 1.676.160.000đ

Diện tích theo hiện trạng 125m^2 x 4.500.000đ/m^2 x 1,2 = 675.000.000đ.

Tính theo giá thị trường tại thời điểm tháng 11/2021:

125m^2 đất ở x 12.000.000đ/m^2 x 1,2 = 1.800.000.000đ

Theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình: Nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn: Việc chia tài sản chung của vợ chồng tôn trọng theo sự thỏa thuận của các bên, nhưng trong trường hợp này anh Tới và chị Hương không thỏa thuận được nên tài sản chung của vợ chồng về nguyên tắc được chia đôi và có tính đến các yếu tố: Hoàn cảnh gia đình của vợ chồng; Công sức đóng góp của vợ chồng... Như vậy: Xét về nguồn gốc để anh T và chị H có được tài sản chung này là do bố mẹ anh T tặng cho. Cả hai anh chị đều có nhu cầu về chỗ ở, do đó cần chia cho anh chị bằng hiện vật là phù hợp, giao cho anh Tới ½ diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần diện tích tăng thêm theo hiện trạng. Anh T có nguyện vọng được chia phần đất phía đầu ve và sẽ chênh lại tiền chênh lệch đất đầu ve cho chị H, mục đích theo nguyện vọng của bố mẹ anh cho anh và các con của anh sau này. Tuy nhiên hiện nay mẹ đẻ anh T đang có nhà tiếp giáp với phần đất của anh chị, nên việc giao cho anh T lô đầu ve, giao cho chị H lô giữa tiếp giáp với gia đình mẹ anh T và một phần giáp với phần đất giao cho anh T sẽ có nhiều bất cập và không hợp lý. Trong khi chị H cũng có nguyện vọng được chia phần đất đầu ve và chị H đồng ý chênh lại số tiền chênh lệch lô đầu ve theo Hội đồng định giá đã định giá cho anh Tới. Do đó cần giao cho anh Tới phần diện tích đất giáp với nhà bố mẹ đẻ của anh T là phù hợp.

[5] ***Về án phí:*** Căn cứ khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, chị H, anh T phải chịu án phí chia tài sản chung tương ứng với trị giá tài sản mà anh được chia.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 219 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

* Đình chỉ một phần về yêu cầu phân chia tài sản do chị H đã rút yêu cầu đối với tài sản là: 01 xe ô tô Lacetic BKS 30Y- 9475 hiện anh T đang sử dụng; Vốn góp vào công ty TNHH Đàm Long (địa chỉ: Thôn Gia Lộc, xã Quảng Thịnh, TP. Thanh Hóa) với số tiền 1.000.000.000đ. Tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - chi nhánh huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa số tiền 500.000.000đ, theo sổ tiết kiệm số AC 00004147793(số tiền này anh T và chị đã thỏa thuận phân chia). Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại lô 58 C4+C5 liền kề MB 530 khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa với diện tích 77m2 (tạm tính giá trị 1.000.000.000đ).

* Về quyền sử dụng đất:

- Chia cho anh Đàm Lê T được quyền sử dụng diện tích đất 58,4m^2 x 12.000.000đ/m^2 = 700.800.000đ (bảy trăm triệu, tám trăm ngàn đồng), anh T

được nhận số tiền chênh lệch đất lô đầu ve (20%) do chị H phải giao cho anh T là 140.160.000đ, tổng giá trị anh T được hưởng là 840.960.000đ (Tám trăm bốn mươi triệu, chín trăm sáu mươi ngàn đồng). Tạm giao diện tích 8,6m^2 đất theo hiện trạng không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tổng diện tích đất giao cho anh Tới là 67m^2 có sơ đồ kèm theo). Vị trí lô đất giao cho anh T có tứ cận như sau:

Phía Đông(dài 6,5m)giáp đất bà Én (mẹ đẻ anh Tới).

Phía Tây (dài 11,45m) giáp phần đất giao cho chị Hương;

Phía Nam (rộng 6,9m) giáp đất bà Én (mẹ đẻ anh Tới);

Phía Bắc (rộng 9,13m) giáp đường vành đai phía tây.

- Chia cho chị Nguyễn Thị Mai H được quyền sử dụng diện tích đất 58m^2 trị giá 835.200.000đ (Tám trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm ngàn đồng) (có sơ đồ kèm theo). Vị trí lô đất giao cho chị H có tứ cận như sau:

Phía Đông (dài 11,45m) giáp phần đất giao cho anh Tới;

Phía Tây (dài 14,3m) giáp đường đi;

Phía Nam (rộng 4,5m)giáp đất bà Én (mẹ đẻ anh Tới);

Phía Bắc (rộng 5,48m)giáp đường vành đai phía tây.

Chị Nguyễn Thị Mai H có trách nhiệm giao cho anh Tới số tiền chênh lệch lô đất đầu ve với số tiền là: 140.160.000đ (Một trăm bốn mươi triệu, một trăm sáu mươi ngàn đồng).

Anh Đàm Lê T và chị Nguyễn Thị Mai H có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

* Không chấp nhận yêu cầu của anh T đối với các tài sản khác gồm xe mô tô SH biển số 36B3 - 59199 và chi phí số tiền 500.000.000đ để xây và sửa chữa lại nhà bà Lê Thị P, yêu cầu của anh T không có căn cứ để xác định tài sản là tài sản chung của anh T và chị H. Tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - chi nhánh huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa số tiền 500.000.000đ, theo sổ tiết kiệm số AC 00004147793(số tiền này anh T và chị H đã tự thỏa thuận phân chia).

Án phí: Chị Nguyễn Thị Mai H phải nộp 31.801.600đ (Ba mươi mốt triệu, tám trăm lẻ một ngàn, sáu trăm đồng) án phí chia tài sản; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hương đã nộp 24.000.000đ theo biên lai số AA/2016/0004777 ngày 15/01/2018 Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa. Chị Hương còn phải nộp 7.801.600đ (Bảy triệu, tám trăm lẻ một ngàn, sáu trăm đồng).

Anh Đàm Lê T phải nộp 37.228.800đ (Ba mươi bảy triệu, hai trăm hai tám ngàn tám trăm đồng) án phí Dân sự chia tài sản, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Tới đã nộp 7.100.000đ theo biên lai số AA/2017/0006899 ngày 15/3/2019 Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa. Anh T còn phải nộp 30.128.800đ (Ba mươi triệu, một trăm hai mươi tám ngàn tám trăm đồng).

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T và bà P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Tân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THA- TP Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ .